※ 번역문은 민원 신청을 위한 참고용이며, 기존의 한글 서식에 한글로 작성하여 제출해야 함을 유의해주시기 바랍니다.

※ Lưu ý bản dịch chỉ mang tính chất tham khảo khi đăng ký các vụ việc dân sự; đơn phải được điền bằng tiếng Hàn theo mẫu tiếng Hàn hiện có.

■ 지방세기본법 시행규칙[별지 제423호서식]

■ Thông tư hướng dẫn Luật cơ bản về thuế địa phương [Mẫu đính kèm số 423]

납세관리인 지정신고서
ĐƠN ĐĂNG KÝ CHỈ ĐỊNH NGƯỜI QUẢN LÝ NỘP THUẾ

※ 색상이 어두운 난은 신청인이 작성하지 않습니다.

※ Người đăng ký không điền vào các ô màu tối.

접수번호 Số tiếp nhận	접수일 Ngày tiếp nhận	처리기간 Thời gian xử lý	**즉시** **Ngay lập tức**

납세자 Người nộp thuế	성명(법인명) Họ tên (tên pháp nhân)		주민(법인, 외국인)등록번호 Số chứng minh thư Hàn (pháp nhân, người nước ngoài)
	상호(법인인 경우 대표자) Tên thương mại (người đại diện nếu là pháp nhân)		사업자등록번호 Số đăng ký kinh doanh
	주소(영업소) Địa chỉ (doanh nghiệp)		
	전화번호 Số điện thoại (휴대전화) (Số di động)	전화번호 Số điện thoại (휴대전화:) (Số di động:)	전자우편주소 Địa chỉ email
납세관리인 Người quản lý nộp thuế	성명(법인명) Họ tên (tên pháp nhân)		주민(법인, 외국인)등록번호 Số chứng minh thư Hàn (pháp nhân, người nước ngoài)
	상호(법인인 경우 대표자) Tên thương mại (người đại diện nếu là pháp nhân)		사업자등록번호 Số đăng ký kinh doanh
	주소(영업소) Địa chỉ (doanh nghiệp)		
	전화번호 Số điện thoại (휴대전화:) (Số di động:)		전자우편주소 Địa chỉ email
과세대상 Đối tượng tính thuế			
납세관리인 지정 이유 Lí do chỉ định người quản lý nộp thuế			
관련법률 Pháp luật liên quan	「지방세기본법」 제139조제○항 Khoản ○ Điều 139 “Luật cơ bản về thuế địa phương”		

「지방세기본법」 제139조제2항 전단, 제4항, 제6항 및 같은 법 시행령 제77조제1항에 따라 위와 같이 납세관리인을 신고합니다.

Tôi xin đăng ký chỉ định người quản lý nộp thuế như trên theo đoạn trước của khoản 2, khoản 4, khoản 6 Điều 139 “Luật cơ bản về thuế địa phương” và khoản 1 Điều 77 Nghị định hướng dẫn Luật này.

년 월 일
Năm tháng ngày

신고인 (서명 또는 인)
Người đăng ký (Kí tên hoặc đóng dấu)

지방자치단체의 장 귀하

Kính gửi **người đứng đầu chính quyền địa phương**

위 임 장
GIẤY UỶ QUYỀN

위 납세자 본인은 아래 "위임받은 자"에게 납세관리인 지정신고를 위임합니다.

Tôi, người nộp thuế nêu trên ủy quyền đăng ký chỉ định người quản lý nộp thuế cho “người được ủy quyền” dưới đây.

위임자(납세자) (서명 또는 인)
Người uỷ quyền (Người nộp thuế) (Kí tên hoặc đóng dấu)
위임받은 자(신고인) (서명 또는 인)
Người được uỷ quyền (Kí tên hoặc đóng dấu)

위임받은 자 Người được uỷ quyền	성명 Họ tên		주민등록번호 Số chứng minh thư Hàn		위임자와의 관계 Quan hệ với người uỷ quyền	
	주소 Địa chỉ			전화번호 Số điện thoại		

첨부서류 Hồ sơ đính kèm	없음 Không có	수수료 없음 Không mất phí

210㎜×297㎜[백상지(80g/㎡) 또는 중질지(80g/㎡)]